

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG H4 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HS-ST

Ngày: 08- 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H4 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Xuân Thư

2/ Bà Phan Thị Ánh Duyên

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12 ngày 16/3/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1- Bị cáo Nguyễn Đức T - Sinh năm 1968. Tên gọi khác: không

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu 15, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam

Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 03/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng;

Bố đẻ: Nguyễn Ngọc V (đã chết). Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T

Vợ: Đặng Thị A. Bị cáo có 09 con (con lớn nhất sinh năm 1988; con nhỏ nhất sinh năm 2007)

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/9/2019 đến ngày 04/10/2019, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt tại phiên tòa)

2- Bị cáo Nguyễn Hồng N - Sinh năm 1988. Tên gọi khác: không

Nơi đăng kY hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu 15, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam

Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 05/12;

Nghề N2ệp: Lao động tự do;

Bố đẻ: Nguyễn Đức T. Mẹ đẻ: Đặng Thị A

Vợ: Nguyễn Thị N. Bị cáo có 02 con (con lớn sinh năm 2011; con nhỏ sinh năm 2017)

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/9/2019 đến ngày 04/10/2019, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt tại phiên tòa)

3- Bị cáo Nguyễn Văn S - Sinh năm 1990. Tên gọi khác: không

Nơi đăng kY hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu 15, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam

Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 9/12;

Nghề N2ệp: Lao động tự do;

Bố đẻ: Nguyễn Đức T. Mẹ đẻ: Đặng Thị An

Vợ con: chưa có

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/9/2019 đến ngày 04/10/2019, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt tại phiên tòa)

4- Bị cáo Nguyễn Đức Đ - Sinh năm 1976. Tên gọi khác: không

Nơi đăng kY hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu 15, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam

Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 6/12;

Nghề N2ệp: Làm ruộng;

Bố đẻ: Nguyễn Ngọc V. Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T

Vợ: Nguyễn Thị M. Bị cáo có 04 con (con lớn sinh năm 2000; con nhỏ sinh năm 2013)

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/9/2019 đến ngày 04/10/2019, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt tại phiên tòa)

5- Bị cáo Nguyễn Đức N1 - Sinh năm 1992. Tên gọi khác: không

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu 15, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam

Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 6/12;

Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Bố đẻ: Nguyễn Đức T. Mẹ đẻ: Đặng Thị A

Vợ: Nguyễn Thị D. Bị cáo chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/9/2019 đến ngày 04/10/2019, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại tại xã P, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt tại phiên tòa)

6- Bị cáo Hoàng Văn H - Sinh năm 1992. Tên gọi khác: không

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu G, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam

Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 09/12;

Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Bố đẻ: Hoàng Văn T. Mẹ đẻ: Nguyễn Thị C

Vợ: Nguyễn Thị S. Bị cáo chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/9/2019 đến ngày 04/10/2019, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt tại phiên tòa)

7- Bị cáo Nguyễn Đức P - Sinh năm 1970. Tên gọi khác: không

Nơi đăng kY hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu 15, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam

Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 7/12;

Nghề N2ệp: Làm ruộng;

Bố đẻ: Nguyễn Ngọc V (đã chết). Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T

Vợ: Hoàng Thị N. Bị cáo có 06 con (con lớn nhất sinh năm 1993; con nhỏ sinh năm 2006)

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/9/2019 đến ngày 04/10/2019, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt tại phiên tòa)

8 - Bị cáo Nguyễn Đức P1 - Sinh năm 1994. Tên gọi khác: không

Nơi đăng kY hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu 15, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam

Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 7/12;

Nghề N2ệp: Lao động tự do;

Bố đẻ: Nguyễn Đức T. Mẹ đẻ: Đặng Thị A

Vợ con: chưa có

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/9/2019 đến ngày 04/10/2019, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt tại phiên tòa)

9 - Bị cáo Nguyễn Đức T1 - Sinh năm 1973. Tên gọi khác: không

Nơi đăng kY hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu 11, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam

Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 6/12;

Nghề N2ệp: Làm ruộng;

Bố đẻ: Nguyễn Ngọc V (đã chết). Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T

Vợ: Nguyễn Thị T. Bị cáo có 06 con (con lớn sinh năm 1996; con nhỏ sinh năm 2017)

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/9/2019 đến ngày 04/10/2019, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt tại phiên tòa)

10 - Bị cáo Nguyễn Công H1 - Sinh năm 1993. Tên gọi khác: không

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu 11, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam

Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 7/12;

Nghề nghiệp: Làm ruộng;

Bố đẻ: Nguyễn Văn S.

Mẹ đẻ: Nguyễn Thị N

Vợ: Trần Thị N. Bị cáo có 02 con (con lớn sinh năm 2015; con nhỏ sinh năm 2019)

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/9/2019 đến ngày 04/10/2019, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt tại phiên tòa)

11 - Bị cáo Nguyễn Đức M - Sinh năm 1958. Tên gọi khác: không

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu 8, xã P, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam

Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 6/10;

Nghề nghiệp: Làm ruộng;

Bố đẻ: Nguyễn Ngọc V (đã chết).

Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T

Vợ: Kiều Thị T. Bị cáo có 05 con (con lớn nhất sinh năm 1982; con nhỏ sinh năm 1996)

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt tại phiên tòa)

12 - Bị cáo Nguyễn Thị M1 - Sinh năm 1979. Tên gọi khác: không

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu 15, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ

Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 05/12;

Nghề nghiệp: Làm ruộng;

Bố đẻ: Nguyễn Văn T (đã chết). Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T

Chồng: Nguyễn Đức Đ. Bị cáo có 04 con (con lớn nhất sinh năm 2000; con nhỏ nhất sinh năm 2013)

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/9/2019 đến ngày 04/10/2019, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt tại phiên tòa)

13 - Bị cáo Nguyễn Văn S1 - Sinh năm 1964. Tên gọi khác: không

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu 11, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam

Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 4/10;

Nghề nghiệp: Làm ruộng;

Bố đẻ: Nguyễn Văn C (đã chết). Mẹ đẻ: Nguyễn Thị N (đã chết)

Vợ: Nguyễn Thị N. Bị cáo có 10 con (con lớn nhất sinh năm 1984; con nhỏ nhất sinh năm 2009)

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt tại phiên tòa)

14 - Bị cáo Nguyễn Thị S2 - Sinh năm 1996. Tên gọi khác: không

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu 15, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ

Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 05/12;

Nghề nghiệp: Làm ruộng;

Bố đẻ: Nguyễn Đức T. Mẹ đẻ: Đặng Thị A

Chồng: Hoàng Văn H. Bị cáo chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/9/2019 đến ngày 04/10/2019, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt tại phiên tòa)

15- Bị cáo Nguyễn Thị H2 - Sinh năm 1998. Tên gọi khác: không

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu 15, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ

Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 7/12;

Nghề nghiệp: Làm ruộng;

Bố đẻ: Nguyễn Đức T. Mẹ đẻ: Đặng Thị A

Chồng, con: chưa có

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt tại phiên tòa)

16 - Bị cáo Đặng Thị A - Sinh năm 1969. Tên gọi khác: không

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu 15, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ

Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 05/10;

Nghề nghiệp: Làm ruộng;

Bố đẻ: Đặng Văn S (đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị B (đã chết)

Chồng: Nguyễn Đức T. Bị cáo có 09 con (con lớn nhất sinh năm 1988; con nhỏ nhất sinh năm 2007)

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt tại phiên tòa)

17 - Bị cáo Nguyễn Thị N2 - Sinh năm 1965. Tên gọi khác: không

Nơi đăng kY hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu 11, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ

Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 4/10;

Nghề N2ệp: Làm ruộng;

Bố đẻ: Nguyễn Ngọc V (đã chết). Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T

Chồng: Nguyễn Văn S1. Bị cáo có 10 con (con lớn nhất sinh năm 1984; con nhỏ nhất sinh năm 2009)

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt tại phiên tòa)

18- Bị cáo Nguyễn Thị T2 - Sinh năm 1962. Tên gọi khác: không

Nơi đăng kY hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu 11, xã N, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ

Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: không biết chữ;

Nghề N2ệp: Làm ruộng;

Bố đẻ: Nguyễn Ngọc V (đã chết). Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T

Chồng: Nguyễn Văn Hiện. Bị cáo có 01 con (đã chết)

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại tại xã N, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt tại phiên tòa)

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1- Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm 1989

Địa chỉ: xã N, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt)

2- Anh Bùi Anh D - Sinh năm 1973

Địa chỉ: xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt)

3- Anh Nguyễn Huy T3 - Sinh năm 1989

Địa chỉ: Phòng PK 02- Công an tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt)

4- Chị Nguyễn Thị H3 - Sinh năm 2005

Địa chỉ: Khu 15, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt)

5- Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Trung K - Chức vụ: Trưởng công an huyện Cẩm Khê (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp cho chị H3: chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 2000

Địa chỉ: Khu 15, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại Bản án số 12/2012/DSST ngày 26/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê xét xử vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa: Nguyên đơn: ông Nguyễn Ngọc YY, sinh năm 1966 với Bị đơn: ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1968, đều ở Khu 15, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ với phần quyết định tuyên buộc ông Nguyễn Đức T phải thu hoạch 07 cây keo, 04 cây cau để trả lại cho ông Nguyễn Ngọc Y 87m² đất tại thửa đất số 7, tờ bản đồ số 31, địa chỉ thửa đất ở khu B (nay là khu 15) xã P, huyện C. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ngày 04/11/2012 ông Nguyễn Ngọc Y có đơn yêu cầu thi hành án. Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê đã ra Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 10/QĐ-CCTHA ngày 21/11/2012 với các khoản phải thi hành: *Buộc ông Nguyễn Đức T phải thu hoạch 07 cây keo, 04 cây cau để trả lại cho ông Nguyễn Ngọc Y 87 m² đất tại thửa đất số 7 tờ bản đồ số 31 – địa chỉ thửa đất: khu Bò Lăn (nay là khu 15) xã Phượng Vũ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Diện tích đất có các cạnh: AB= 4m; BC = 13,5m; CD = 16,5m; DA = 9,8m. Theo trích lục bản đồ thửa đất do UBND xã P lập ngày 30/7/2012.* Quá trình thi hành án ông Nguyễn Đức T không tự nguyện giao T sản mà có thái độ chống đối, cố T2 không thực hiện bản án vì cho rằng diện tích đất 87m² này là đất của bố mẹ đẻ ông T là cụ Nguyễn Ngọc V (đã chết) và cụ Nguyễn Thị T, SN 1934 hiện ở khu 15 xã P.

Do tính chất phức tạp của vụ việc, ngày 18/1/2017 Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ đã ra Quyết định số 04/QĐ-CTHADS quyết định rút hồ sơ thi hành án đối với việc thi hành án trên. Sau khi rút hồ sơ, Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ cùng chính quyền xã P đã tiến hành xác M, trao đổi, gỡ gỡ và động viên ông T cùng gia đình tự nguyện thi hành án, nhưng phía ông T tiếp tục đưa ra nhiều lý do để không chấp hành việc giao tài sản. Để đảm bảo việc bản án có hiệu lực pháp luật

được thi hành N2êm M, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp người được thi hành án, Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ đã xây dựng Kế hoạch cưỡng chế thi hành án số 942/KH-CTHADS.NV ngày 27/5/2019 thực hiện cưỡng chế buộc ông T phải chặt hạ cây cối, lâm lộc, đồng thời tháo dỡ các công trình xây dựng trái phép sau khi có bản án, để trả lại cho ông Y 87m² đất tại thửa số 7, tờ bản đồ số 31 ở khu 15 xã P với thời gian tổ chức cưỡng chế vào 8 giờ 00 ngày 25/9/2019. Sau khi có kế hoạch cưỡng chế, Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ thông báo cưỡng chế thi hành án cho ông Nguyễn Đức T, đồng thời có công văn mời các ban ngành, đoàn thể, cơ quan chức năng có liên quan tham gia vào việc cưỡng chế thi hành án, bao gồm: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ; Đại diện chính quyền xã P; Các cán bộ, chiến sỹ thuộc Phòng PC10, PK02 Công an tỉnh Phú Thọ và Công an huyện Cẩm Khê cùng các phương tiện và vũ khí, trang thiết bị, công cụ hỗ trợ và trang phục quy định. Để thực hiện công tác cưỡng chế, Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ đã thuê anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 ở khu 10, xã N, huyện C 01 ca máy mức để tháo dỡ các công trình xây dựng trên đất, 01 xe tải để vận chuyển phế liệu.

Vào hồi 8 giờ 00 phút ngày 25/9/2019, tại địa điểm cưỡng chế thi hành án thuộc khu 15, xã P, huyện C, khi thấy Hội đồng cưỡng chế đến làm việc, Nguyễn Hồng N, sinh năm 1988 và Nguyễn Văn S, sinh năm 1990 là con trai T đã kéo cánh cổng sắt ngăn không cho đoàn cưỡng chế đi vào phần đất phải tiến hành cưỡng chế. Chấp hành viên Nguyễn Quang N thuộc Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ nhiều lần yêu cầu Nguyễn Đức T có mặt để thực hiện cưỡng chế, lúc này T ở trong nhà nhưng cô T2 không ra làm việc. Sau đó, cán bộ Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ đã tiến hành công bố quyết định cưỡng chế qua loa phóng thanh, đồng thời tuyên truyền, vận động T cùng gia đình chấp hành pháp luật trong quá trình cưỡng chế, tuy nhiên một số anh em, con cháu của Nguyễn Đức T bao gồm: Nguyễn Đức T1, sinh năm 1973, ở khu 11 xã P, Nguyễn Đức M, sinh năm 1958 ở khu 8 xã P, Nguyễn Đức P, sinh năm 1970, Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1976 đều ở Khu 15 xã P cùng Nguyễn Văn S tiếp tục đi ra ngoài cổng có lời nói phản đối việc cưỡng chế. Khi đoàn cưỡng chế thông báo bắt đầu thực hiện việc cưỡng chế thì Nguyễn Đức P, sinh năm 1994 ở khu 15 xã P là con trai của T đã đóng cửa cổng sắt đi vào diện tích đất cưỡng chế. Sau đó gia đình T cùng anh em, con cháu khoảng hơn 20 người đứng ở phía trong và bên ngoài cổng sắt giữ để ngăn cản không cho đoàn cưỡng chế làm việc, đồng thời có nhiều lời nói lăng mạ, đe dọa đoàn cưỡng chế. Khi lực lượng cưỡng chế tiến vào mở cánh cổng sắt thì Nguyễn Hồng N mặc quần áo bảo hộ,

mang 01 tổ ong vò vẽ (đã chuẩn bị từ trước) ra khu vực có đoàn cường chế và đập vỡ tổ ong khiến nhiều ong bay ra để ngăn cản việc cường chế. Lúc này, cán bộ Công an huyện Cẩm Khê đã sử dụng bình xịt cứu hỏa để xịt ong bay ra từ tổ ong do N đập. Sau đó, lực lượng cường chế tiếp tục tiến dần vào phía bên trong cổng sắt để tiến hành cường chế thì bất ngờ bị đối tượng Nguyễn Văn S dùng bình cứu hỏa xịt vào đoàn, đồng thời S cùng Nguyễn Đức P, Nguyễn Hồng N, Nguyễn Đức T1, Nguyễn Đức M, Nguyễn Đức P, Nguyễn Đức Đ; Nguyễn Đức T, Đặng Thị An, Nguyễn Đức N1, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị M đều ở khu 15 xã P; Nguyễn Thị N2, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Công H1 đều ở khu 11 xã P; Nguyễn Thị T2 ở khu 11, xã N và Hoàng Văn H ở khu G, xã T, huyện C dùng rất nhiều gạch, đá ném về phía lực lượng cường chế. Bên cạnh đó, các đối tượng Nguyễn Đức N1, Hoàng Văn H còn sử dụng các chai thủy tinh bên trong đựng xăng, miệng nút giẻ (còn gọi là bom xăng) rồi châm lửa đốt giẻ ở miệng chai rồi ném về phía lực lượng cường chế để chống đối, ngăn cản việc cường chế. Nguyễn Hồng N còn dùng mảnh kính vỡ ném về phía lực lượng chức năng.

Hậu quả: Xe dẫn giải của Công an huyện Cẩm Khê BKS 19A-00790 bị vỡ mặt gương chiếu hậu bên trái, đèn chao trên nóc xe bị vỡ vết không rõ hình, kích thước 6 x 8cm; Máy mức nhãn hiệu VOLVO 55 bị vỡ kính chắn gió phía trước ở trên; Ông Bùi Anh D, sinh năm 1973 là công an viên khu 5 xã P do bị gạch đá ném trúng vào chân khiến đầu gối phải mặt ngoài có 02 vết sát da, mặt trước cẳng chân trái có vết sát da bầm tím đường kính 5cm; Ông Nguyễn Huy T3, sinh năm 1989 là cán bộ thuộc PK02 Công an tỉnh Phú Thọ bị bom xăng ném trúng làm cháy áo cảnh sát cơ động tại vị trí đằng sau túi đựng áo mưa và Đi giày gệt cảnh sát cơ động cỡ 39 tại vị trí phần cổ chân. Trước hành vi chống người thi hành công vụ quyết liệt của anh em, con cháu, gia đình Nguyễn Đức T, Công an huyện Cẩm Khê đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi chống người thi hành công vụ đối với Nguyễn Đức T, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị M, Nguyễn Đức P, Nguyễn Đức P, Nguyễn Văn S, Nguyễn Hồng N, Nguyễn Đức N1, Hoàng Văn H đưa về Công an huyện Cẩm Khê giải quyết. Đối với Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Đức T1 và Nguyễn Công H1, Công an huyện Cẩm Khê tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp.

Vật chứng thu giữ:

+ Thu giữ tại hiện trường cường chế: 01 máy phát điện đã cũ, nắp trên S màu đỏ, không có nhãn hiệu; 02 đoạn dây dẫn điện trong đó 01 dây vỏ màu đỏ dài 09m, 01 dây vỏ màu vàng dài 8m60; 01 tổ ong hình bầu dục trọng lượng 1,5kg; 01 áo liền quần có mũ trùm đầu làm bằng cao su có séc kéo phía sau từ thắt lưng lên gáy, gắn

liền tay áo là hai găng tay cao su màu xanh; Nhiều mảnh thủy tinh vỡ, gạch, đá kích thước khác nhau; 05 chai thủy tinh gồm 03 chai màu xanh và 02 chai màu nâu (trong đó một chai màu xanh, và một chai màu nâu được bịt kín nắp bằng lớp nilon màu vàng, bên trong cả hai chai đều chứa chất lỏng màu xanh); 01 can nhựa màu vàng, loại can 05 lít, nắp can màu xanh, bên trong can có chứa chất lỏng màu xanh; 01 bình xịt cứu hỏa;

+ Thu giữ của Hoàng Văn H 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG loại Galaxy J7 pro màu bạc;

+ Thu giữ của Nguyễn Đức T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại 106 màu đen;

+ Thu giữ của Nguyễn Văn S 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA loại 1280 màu đen;

+ Thu giữ của Nguyễn Công H1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng có gắn sim số 0386537593; 01 điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL màu đen có gắn sim số 0986259993;

+ Thu giữ của Nguyễn Thị S 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại A1K mặt trước màu đen, mặt sau màu đỏ;

+ Thu giữ của Nguyễn Đức N1 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại 106 màu đen có gắn sim số 0963692661; 01 điện thoại di động loại Iphone 6 mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng, bên trong có gắn 01 sim;

+ Thu giữ của Nguyễn Hồng N 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng;

+ Thu giữ của Nguyễn Thị H3 (con gái Nguyễn Đức T) 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 (trong điện thoại có lưu trữ đoạn video H3 quay hình ảnh vụ việc cưỡng chế);

+ Thu giữ của Nguyễn Đức Đ 01 viên đá không rõ hình dạng, màu trắng đục, phần rộng nhất là 7,5cm; 01 mảnh vỡ bê tông không rõ hình, phần rộng nhất là 6,5cm;

+ Thu giữ của ông Nguyễn Huy T3, cán bộ Phòng PK 02, Công an tỉnh Phú Thọ 01 áo cảnh sát cơ động bị cháy tại vị trí đằng sau túi đựng áo mưa, dài khoảng 10cm, rộng khoảng 4cm; 01 Đi giày gệt cảnh sát cơ động cỡ 39 bị cháy tại vị trí phần cổ chân, vết cháy dài khoảng 10cm, rộng khoảng 7cm.

Quá trình Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ tiến hành cưỡng chế, cán bộ Công an huyện Cẩm Khê và Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ đã sử dụng máy quay để ghi lại video tiến hành cưỡng chế. Trong video có hình ảnh các đối

tượng trên có lời nói và hành động chống lại lực lượng cưỡng chế và bảo vệ cưỡng chế, đã ghi được tổng 34 đoạn video, ký hiệu: DSC-0002 có độ dài 07 phút 07 giây; DSC-0004 có độ dài 06 phút 57 giây; DSC-0005 có độ dài 05 phút 47 giây; DSC-0006 có độ dài 43 giây; DSC-0008 có độ dài 07 phút 52 giây; DSC-0009 có độ dài 53 giây; DSC-0010 có độ dài 17 giây; DSC-0011 có độ dài 04 phút 35 giây; DSC-0012 có độ dài 06 phút 08 giây; IMG-0915 có độ dài 06 phút 39 giây; IMG-0916 có độ dài 07 phút 50 giây; IMG-0917 có độ dài 03 phút 43 giây; IMG-0918 có độ dài 02 phút 19 giây; IMG-0919 có độ dài 38 giây; IMG-0920 có độ dài 01 phút 23 giây; IMG-0921 có độ dài 37 giây; IMG-0922 có độ dài 19 giây; IMG-0923 có độ dài 01 phút 20 giây; IMG-0924 có độ dài 03 phút 53 giây; IMG-0925 có độ dài 02 phút 35 giây; IMG-0926 có độ dài 15 giây; 00033 có độ dài 19 giây; 00034 có độ dài 13 phút 49 giây; 00035 có độ dài 2 phút 44 giây; 00036 có độ dài 32 giây; 00037 có độ dài 58 giây; 00038 có độ dài 12 giây; 00039 có độ dài 01 phút; 00040 có độ dài 01 phút 22 giây; 00041 có độ dài 01 phút 55 giây; 00042 có độ dài 39 giây; 00043 có độ dài 01 phút 45 giây; 00044 có độ dài 01 phút 08 giây; 00045 có độ dài 04 phút 07 giây. Ngoài ra, Chi cục thi hành án dân sự tỉnh còn cung cấp cho cơ quan điều tra 01 đoạn ghi âm tên “Thoại 002” có độ dài 09 phút 01 giây và 01 đoạn video tên “259437146-1579402235675” có độ dài 01 phút 51 giây được ghi âm và quay lại trong quá trình thực hiện việc tổng đạt thông báo về việc cưỡng chế thi hành án số 1407 ngày 12/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Tất cả các file video, ghi âm trên đã được sao lưu tại 04 đĩa DVD, 1 bản sao ra USB phục vụ công tác điều tra.

Ngày 26/9/2019, Cơ quan điều tra đã yêu cầu định giá tài sản đối với thiệt hại về T sản của chiếc xe ô tô BKS 19A-00790 bị vỡ mặt gương chiếu hậu bên trái, đèn chao trên nóc xe bị vỡ vết không rõ hình, kích thước 6 x 8cm và 01 máy mức, đào nhãn hiệu VOLVO 55 bị vỡ kính chắn gió phía trước ở trên. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 51 ngày 26/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Cẩm Khê kết luận:

“- Về thiệt hại của xe ô tô BKS 19A-00790: Mặt gương chiếu hậu bên trái bị vỡ thiệt hại trị giá: 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng chẵn); Đèn chao trên nóc xe bị vỡ vết không rõ hình kích thước 6 x 8cm thiệt hại trị giá: 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng chẵn). Tổng thiệt hại của xe ô tô BKS 19A-00790 là 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng chẵn).

- Máy mức, đào nhãn hiệu VOLVO 55 bị vỡ kính chắn gió phía trước thiệt hại trị giá: 2.000.000đ (Hai triệu đồng chẵn).

Tổng giá trị thiệt hại: 2.900.000đ (Hai triệu chín trăm nghìn đồng). ”

Ngày 11/10/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Khê đã quyết định trưng cầu giám định đối với chất lỏng màu xanh nhạt chứa trong một chai thủy tinh màu xanh, một chai thủy tinh màu vàng và 01 can nhựa màu vàng thu giữ tại hiện trường cưỡng chế ở trên. Tại Kết luận giám định số 1125/KLGD ngày 16/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ kết luận: *“Chất lỏng màu xanh nhạt chứa trong một chai thủy tinh màu xanh, một chai thủy tinh màu nâu và 01 can nhựa vàng gửi đến giám định là xăng”*.

Ngày 26/1/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Khê đã ra Quyết định trưng cầu giám định kỹ thuật số và điện tử đối với T3 bộ các file video được cơ quan điều tra thu thập ở trên và cả đoạn video được lưu trữ trong điện thoại của Nguyễn Thị H3. Tại Kết luận giám định số 504/C09-P6 ngày 31/1/2020 Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận:

“- Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các file video gửi giám định.

- Hình ảnh một số người có hành vi chống đối lại lực lượng chức năng trong các file video gửi giám định đã được trích xuất. Chi tiết thể hiện trong bản ảnh kèm theo.

Kèm theo kết luận giám định: 01 bản ảnh gồm 21 (hai mươi một) trang giấy khổ A4.

Hoàn lại cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ T3 bộ đối tượng gửi giám định.”

Tại phiên tòa, các bị cáo trình bày như sau:

Bị cáo Nguyễn Đức T trình bày: Ngày 23/9/2019, bị cáo Nguyễn Đức T biết thông tin sáng ngày 25/9/2019, Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ sẽ cùng đoàn cưỡng chế đến để thực hiện việc cưỡng chế đất theo quyết định của bản án dân sự. Trước đó, Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ đã có thông báo về việc thực hiện cưỡng chế đất của gia đình nhưng bị cáo không biết chính xác là ngày nào. Sáng ngày 25/9/2019, khi đoàn cưỡng chế đến có thông báo bằng loa yêu cầu bị cáo ra làm việc và tuyên truyền bị cáo cùng gia đình tự nguyện thi hành án nhưng bị cáo đã không ra làm việc. Khi Đoàn cưỡng chế tiến hành tháo cổng sắt thì gia đình bị cáo đã ra xô đẩy, các con cùng anh em gia đình đã dùng tổ ong, chai xăng, gạch đá ném về phía đoàn để ngăn cản. Bản thân bị cáo cũng nhặt đá bê tông nhiều lần ném về phía đoàn cưỡng chế.

Bị cáo Nguyễn Hồng N trình bày: Ngày 23/9/2019, bị cáo biết việc ngày 25/9/2019 sẽ có đoàn cưỡng chế đến thực hiện việc thi hành án cưỡng chế đất. Tối 24/9/2019, N đã chuẩn bị tổ ong vò vẽ mục đích dùng để ném vào đoàn cưỡng chế, chuẩn bị máy phát điện, cùng với N1 kéo dây điện nối máy phát điện với hàng rào B40. Ngày 25/9/2019, khi đoàn cưỡng chế đến thực hiện việc cưỡng chế, N đã cùng với mọi người trong gia đình ngăn cản đoàn cưỡng chế, đã ném tổ ong về phía đoàn cưỡng chế, sau đó có nhặt 3 viên gạch và các mảnh kính vỡ xung quanh nhà ném về phía đoàn cưỡng chế.

Bị cáo Nguyễn Văn S trình bày: Bị cáo S đang lao động tại tỉnh Đồng Nai. Khoảng 4h sáng ngày 25/9/2019 bị cáo cùng em trai là bị cáo Phú về đến nhà do gia đình nói có việc bị cưỡng chế đất, đồng thời gia đình S có việc chuẩn bị cưới em gái. Khi đoàn cưỡng chế đến thực hiện việc cưỡng chế, gia đình S có nhiều người cùng tham gia chống trả lực lượng cưỡng chế. Bản thân S đã lấy bình cứu hỏa đặt ở cổng xịt vào đoàn cưỡng chế rồi đi vào sân nhặt khoảng 3 đến 4 viên gạch ném về đoàn cưỡng chế, việc ném có trúng ai không thì S không rõ.

Bị cáo Nguyễn Đức M trình bày: Sáng ngày 25/9/2019, bị cáo M có mặt tại nhà T. Khi đoàn cưỡng chế đến thực hiện việc cưỡng chế, bị cáo có trực tiếp nhặt sỏi, đá ném về phía đoàn cưỡng chế.

Bị cáo Nguyễn Đức N1 trình bày: Ngày 25/9/2019, bị cáo có cùng các bị cáo khác tham gia chống lại đoàn cưỡng chế đến nhà Nguyễn Đức T để thực hiện việc cưỡng chế đất. Bị cáo đã sử dụng 01 chai xăng (được gọi là “bom xăng” do bị cáo chuẩn bị từ hôm trước) châm lửa đốt và ném về phía đoàn cưỡng chế. Sau đó bị cáo đã ném khoảng 6 viên gạch đá về phía đoàn cưỡng chế.

Bị cáo Nguyễn Đức Đ trình bày: Trước ngày 25/9/2019, Đ đến nhà T và được T cho biết ngày 25/9/2019 sẽ có đoàn cưỡng chế đến thực hiện việc cưỡng chế thu hồi đất nhà T để trả cho gia đình ông Y. Đến ngày 25/9/2019, Đ cùng với gia đình T tham gia chống đối lực lượng chức năng. Đ đã kéo cổng sắt ngăn cản không cho đoàn cưỡng chế mở cổng. Sau đó Đ có nhặt khoảng 5 -6 viên đá ném về phía đoàn cưỡng chế. Trong quá trình ném, Đ có hô hào mọi người trong gia đình cùng ném đá.

Bị cáo Nguyễn Đức P trình bày: P biết sự việc ngày 25/9/2019 nhà T sẽ có đoàn cưỡng chế đến nhà thực hiện việc cưỡng chế thi hành án về đất. Sáng

25/9/2019, P có đến nhà T. Khi đoàn cưỡng chế thực hiện việc cưỡng chế, P có chửi bới, đe dọa đoàn cưỡng chế. Sau đó P có nhặt khoảng 5 đến 6 viên bê tông, đá, gạch ném về phía lực lượng chức năng. P trình bày không biết ai là người chuẩn bị các vật liệu trên và không tham gia bàn bạc.

Bị cáo Hoàng Văn H trình bày: Sáng ngày 25/9/2019, H đã biết gia đình ông T sẽ có đoàn cưỡng chế đến thực hiện việc cưỡng chế đất nên H đã ở lại gia đình ông T. Khi lực lượng chức năng gồm công an và những người đeo băng đỏ đọc quyết định cưỡng chế, mời ông T ra làm việc và tuyên truyền gia đình ông T không chống đối việc cưỡng chế nhưng cả gia đình ông T không đồng ý. H đã ngồi lên máy tuốt lúa dùng máy điện thoại để quay phim. Sau khi N ném tổ ong về phía đoàn cưỡng chế, thấy trong gia đình nhiều người nhặt gạch đá ném về phía đoàn cưỡng chế nên H cũng nhặt khoảng 3 -4 viên bê tông vờ ném về phía lực lượng chức năng. Thấy ở trong gầm bàn ở cửa nhà N có 1 chai xăng nên H đã ném chai xăng vào đám lửa chỗ N1 vừa ném chai xăng trước đó nơi có đoàn cưỡng chế. Mục đích của H khi thực hiện hành vi nhằm ngăn cản đoàn cưỡng chế thực hiện nhiệm vụ.

Bị cáo Nguyễn Đức trình bày: Ngày 25/9/2019, bị cáo đã cùng các bị cáo khác tham gia chống đối đoàn cưỡng chế thi hành án. Bị cáo thừa nhận đã ném khoảng hơn chục viên gạch, đá về phía đoàn cưỡng chế.

Bị cáo Nguyễn Đức T1 trình bày: Sáng ngày 25/9/2019, sau khi đi vò lúa, T1 đã điều khiển máy vò lúa về nhà T để cùng gia đình nhà T tham gia ngăn lực lượng cưỡng chế đất. Khi đoàn cưỡng chế dỡ bỏ cánh cửa sắt, mọi người trong gia đình T đều có hành vi chống đối thì T1 cũng nhặt khoảng 5 -6 viên đá ném về phía đoàn cưỡng chế.

Bị cáo Nguyễn Công H1: Sáng ngày 25/9/2019, H1 đã cùng anh em trong gia đình bị cáo T tham gia chống lại việc cưỡng chế đất của gia đình nhà T. Bản thân H1 có nhặt đá và ném khoảng 9 -10 viên gạch về phía lực lượng cưỡng chế, mục đích chống lại cơ quan chức năng thi hành nhiệm vụ và giữ đất cho gia đình nhà bị cáo T.

Bị cáo Nguyễn Thị M trình bày: Sáng ngày 25/9/2019, M đang ở nhà thấy đoàn cưỡng chế thi hành án đến nhà T thực hiện việc cưỡng chế đất. Thấy anh em trong gia đình đứng ở cổng Đng nên M cũng cùng ra đứng ở cổng để cản trở việc cưỡng chế. Khi đoàn cưỡng chế tháo cổng nhà T thì M cùng một số người chạy vào sân

nhặt gạch đá ném lực lượng công an và đoàn cưỡng chế với mục đích không cho đoàn cưỡng chế làm nhiệm vụ. M thừa nhận đã ném 3 -4 đá to bằng khoảng bàn tay về phía đoàn cưỡng chế.

Bị cáo Nguyễn Văn S1 trình bày: Ngày 25/9/2019, bị cáo có cùng gia đình nhà T tham gia chống đối lực lượng chức năng thực hiện việc cưỡng chế đất nhà T. Bị cáo S1 thừa nhận có nhặt 04 viên đá ở hai tay, ném về phía lực lượng cưỡng chế 03 viên, còn 01 viên bỏ xuống không ném.

Bị cáo Nguyễn Thị S trình bày: Sáng 25/9/2019, khi đoàn cưỡng chế đến thực hiện nhiệm vụ, Sinh đã dùng máy điện thoại quay phim lực lượng cưỡng chế và có những lời lẽ chửi bới. Sau đó, khi mọi người nhặt gạch đá ném về phía đoàn cưỡng chế thì Sinh cũng nhặt 02 viên gạch nhưng chỉ ném một viên về phía đoàn cưỡng chế.

Bị cáo Nguyễn Thị H2 trình bày: Sáng ngày 25/9/2019, H2 có biết sự việc đoàn cưỡng chế đến cưỡng chế đất tại nhà mình. Khi thấy bố mẹ cùng các anh em trong gia đình chống đối lực lượng chức năng, H2 đã cùng tham gia và trực tiếp ném khoảng 5 viên đá về phía đoàn cưỡng chế, việc ném có trúng ai hay gây hư hỏng T sản gì không thì bị cáo không được biết.

Bị cáo Đặng Thị A trình bày và thừa nhận: Sáng ngày 25/9/2019, bị cáo đã cùng chồng là Nguyễn Đức T, các con và anh em trong gia đình đã thực hiện hành vi chống đối lực lượng chức năng. Bị cáo đã ném khoảng 4 viên gạch và bê tông vào đoàn cưỡng chế. Bản thân bị cáo còn thừa nhận có nhặt gạch đá chuyển cho P cùng ném.

Bị cáo Nguyễn Thị N2 trình bày: Sáng ngày 25/9/2019 bị cáo cùng các bị cáo khác chống đối lực lượng chức năng tiến hành cưỡng chế đất nhà ông T. Bản thân bị cáo có nhặt khoảng 3 – 4 viên gạch ném về phía đoàn cưỡng chế.

Bị cáo Nguyễn Thị T2 trình bày: Sáng ngày 25/9/2019, bị cáo T2 tham gia chống đối lực lượng cưỡng chế cùng với gia đình bị cáo T. T2 đã ném khoảng 2 – 3 viên gạch bê tông, đá về phía đoàn cưỡng chế nhằm mục đích ngăn cản việc cưỡng chế đất nhà T.

Bản cáo trạng số 12/CT-VKSCK -HS ngày 07/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ truy tố các bị cáo Nguyễn Đức T cùng đồng bọn về tội “Chống người thi hành công vụ” quy định tại khoản 1 điều 330 Bộ luật hình

sự; Tại phiên tòa hôm nay Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Đức T, Nguyễn Hồng N, Nguyễn Văn S, Nguyễn Đức M, Nguyễn Đức N1, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Đức P, Hoàng Văn H, Nguyễn Đức Phú, Nguyễn Đức T1, Nguyễn Công H1, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị H2, Đặng Thị An, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Thị T2 phạm tội “ Chống người thi hành công vụ”.

Áp dụng khoản 1 Điều 330; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 06 tháng đến 09 tháng tù (được trừ thời gian tạm giữ).

Áp dụng khoản 1 Điều 330; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng N 06 tháng tù; Xử phạt Nguyễn Đức N1 06 tháng tù. (các bị cáo được trừ thời giam tạm giữ).

Áp dụng khoản 1 Điều 330; Điều 36; điểm b, i, s khoản 1; Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Đức M, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Đức T1, Đặng Thị A, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Đức P, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Thị T2 từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 330; Điều 36; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Đức P, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị M, Hoàng Văn H, Nguyễn Công H1 từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Trong thời gian cải tạo không giam giữ, các bị cáo phải thực hiện lao động cộng đồng tại địa phương. Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 330; Điều 34; Điểm b, i, n, s khoản 1 Điều 51; Khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Sinh

Đề nghị xử phạt hình phạt cảnh cáo đối với bị cáo Nguyễn Thị S.

Về xử lý vật chứng : Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu cho tiêu hủy: 01 áo liên quần có mũ chùm đầu cao su; 01 tổ ong hình bầu dục có trọng lượng 1,5kg; 01 bình xịt cứu hỏa 05 chai thủy tinh (gồm 03 chai màu xanh và 02 chai màu nâu); 01 can nhựa màu vàng; nhiều mảnh thủy tinh vỡ, gạch đá kích thước khác nhau; 01 viên đá và 01 mảnh vỡ bê tông thu giữ của Nguyễn Đức Đ; 01 áo cảnh sát cơ động và 01 Đeo giày thu giữ của ông Nguyễn Huy T3 (do bị hỏng không còn giá trị sử dụng).

Trả lại cho:

- Hoàng Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7pro;
- Nguyễn Đức T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại 106 màu đen;
- Nguyễn Văn S 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA loại 1280 màu đen;
- Nguyễn Công H1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 có gắn sim số 0386537593 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL màu đen có gắn sim số 0986259993;
- Nguyễn Thị S 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại A1K mặt trước màu đen, mặt sau màu đỏ;
- Nguyễn Đức N1 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại 106 màu đen có gắn sim số 0963692661 và 01 điện thoại di động loại Iphone 6 bên trong có gắn 01 sim;
- Nguyễn Hồng N 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng; 01 máy phát điện đã cũ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án; 02 đoạn dây dẫn điện (01 dây vỏ màu đỏ dài 09m, 01 dây vỏ màu vàng dài 8m60);
- Trả lại cho bị cáo Đặng Thị A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 (thu giữ của Nguyễn Thị H3 – con gái bị cáo Đặng Thị An)

Đối với 04 đĩa DVD (được niêm P dán kín cùng 01 điện thoại) đề nghị chuyển lưu hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 48 Bộ luật hình sự; Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đề nghị HĐXX ghi nhận việc các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho Công an huyện Cẩm Khê và anh Nguyễn Văn Tuất tiền xe ô tô và máy xúc bị hư hỏng.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo Nguyễn Đức T và các bị cáo khác đều đề nghị HĐXX xem xét về mức hình phạt cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Khê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có Y kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

+ *Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với các bị cáo:*

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Đức T cùng các đồng phạm đã trình bày và thừa nhận: khoảng 8 giờ ngày 25/9/2019, tại khu 15, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ, khi đoàn cưỡng chế gồm các cán bộ thuộc Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ cùng các lực lượng chức năng khác đang phối hợp thực hiện việc cưỡng chế thi hành án dân sự theo quy định của Pháp luật thì gia đình Nguyễn Đức T cùng anh em, con cháu đứng ở phía trong và bên ngoài cổng sắt để giữ ngăn cản không cho đoàn cưỡng chế làm việc, đồng thời có nhiều lời nói lăng mạ, đe dọa đoàn cưỡng chế. Nguyễn Hồng N đập vỡ 01 tổ ong vò vẽ để ong bay đốt đoàn cưỡng chế, sử dụng mảnh kính vỡ, gạch đá ném về phía đoàn cưỡng chế nhằm ngăn cản việc cưỡng chế. Nguyễn Đức N1 và Hoàng Văn H sử dụng bom xăng ném về phía lực lượng cưỡng chế. Nguyễn Văn S đã sử dụng bình xịt cứu hỏa xịt vào đoàn cưỡng chế, rồi cùng các đối tượng Nguyễn Đức T, Đặng Thị A, Nguyễn Đức N1, Nguyễn Đức P, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Công H1, Nguyễn Đức M, Nguyễn Đức T1, Nguyễn Đức P, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị T2 có hành vi ném gạch đá vào cán bộ đoàn cưỡng chế và các máy móc như máy múc, xe ô tô chuyên dụng của các lực lượng tham gia vào việc tiến hành cưỡng chế. Mục đích của các bị cáo nhằm phản đối, ngăn cản việc cưỡng chế thi hành án của cơ quan nhà nước. Các lời khai của các bị cáo phù

hợp với lời khai của những người làm chứng, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án các T liệu khác có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó có đủ căn cứ pháp lý để kết luận các bị cáo Nguyễn Đức T, Đặng Thị A, Nguyễn Hồng N, Nguyễn Đức N1, Nguyễn Đức Đ, Hoàng Văn H, Nguyễn Đức P, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Công H1, Nguyễn Đức M, Nguyễn Đức T1, Nguyễn Đức P, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị T2 phạm tội “Chống người thi hành công vụ”, được quy định tại khoản 1 điều 330 Bộ luật hình sự;

+ Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo.

Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn. Xét tính chất vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã ngang nhiên xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính nhà nước được pháp luật bảo vệ. Hành vi của các bị cáo đã gây H1 hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến an ninh, trật tự an T3 hoạt động hành chính của nhà nước. Vì vậy vụ án cần phải đưa ra xét xử kịp thời và nghiêm khắc nhằm giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo quy định của pháp luật, có điều kiện để nhận thức về pháp luật, có sức khỏe và hiểu biết xã hội. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; ngày 05/5/2020, các bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Vì vậy các bị cáo đều được hưởng các T2 tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Thị S: sau khi phạm tội, bị cáo S đã kết hôn và đang có thai, vì vậy ngoài các T2 tiết giảm nhẹ nêu trên, bị cáo Sinh còn được hưởng T2 tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Đức P, Nguyễn Đức T1, Nguyễn Đức M, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Thị T2, Đặng Thị A, Nguyễn Văn S1 đều có bố là người có công với cách mạng, được tặng thưởng huân huy CH3 kháng chiến, vì vậy các bị

cáo còn được hưởng T2 tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo đều không phải chịu T2 tiết tăng nặng nào.

Đối với bị cáo Nguyễn Đức T: Bị cáo là người giữ vai trò chính trong vụ án này. Mặc dù không có sự phân công, tổ chức chặt chẽ và rõ ràng nhưng Nguyễn Đức T đã liên hệ trao đổi thông tin, thông báo, kêu gọi cho các bị cáo khác về việc đoàn cường chế sẽ thực hiện cưỡng chế; chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội và quyết liệt thực hiện hành vi phạm tội. Đối với các bị cáo Nguyễn Hồng N, Nguyễn Đức N1: các bị cáo đều chuẩn bị và thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực, nguy hiểm. N đã chuẩn bị tổ ong và ném tổ ong vò vẽ về phía đoàn cường chế, N1 dùng chai xăng có nút giẻ (còn gọi là bom xăng) châm lửa ném về đoàn cường chế. Các bị cáo còn tích cực chuẩn bị xăng, máy phát điện và dây điện, gạch đá để tấn công đoàn cường chế. Vì vậy cần áp dụng mức án nghiêm khắc đối với các bị cáo. Do các bị cáo đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trước lần phạm tội này các bị cáo đều có nhân thân tốt. Các bị cáo đều được hưởng nhiều T2 tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Hồng N, Nguyễn Đức N1 cũng giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Đối với các bị cáo Đặng Thị A, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Đức P, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Công H1, Nguyễn Đức M, Nguyễn Đức T1, Nguyễn Đức P, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị M, Hoàng Văn H, Nguyễn Thị N2: mặc dù các bị cáo không chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội nhưng cũng đã thực hiện hành vi phạm tội tích cực. Các bị cáo đều không thực hiện việc bàn bạc, phân công cụ thể nhưng qua xem xét nhân thân các bị cáo thì thấy, các bị cáo đều có trình độ văn hóa thấp, đều là anh em họ hàng trong gia đình, do thiếu hiểu biết pháp luật nên đã bị kích động. Vì vậy, xét đề nghị của Viện kiểm sát áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo là phù hợp.

Các bị cáo đều có nghề nghiệp là lao động tự do hoặc làm ruộng, thu nhập thấp và không ổn định. Vì vậy miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Thị T2 có trình độ văn hóa thấp, không biết chữ, do thiếu hiểu biết và nhất thời bị kích động nên đã dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Sinh hiện đang có thai. Vì vậy, xét cho bị cáo Sinh và bị cáo T2 được áp dụng hình

phạt chuyển sang hình phạt cảnh cáo là hình phạt thuộc loại nhẹ hơn phù hợp pháp luật.

[3] Về vật chứng:

- Đối với vật chứng là 01 máy phát điện đã cũ thu giữ tại nhà Nguyễn Đức T: Đây là công cụ, phương tiện các bị cáo chuẩn bị để thực hiện hành vi chống người thi hành công vụ, vì vậy xét tịch thu bán sung quỹ Nhà nước.

- Đối với các vật chứng đã thu giữ tại nhà Nguyễn Đức T và Nguyễn Hồng N gồm: 02 đoạn dây dẫn điện trong đó 01 dây vỏ màu đỏ dài 09m, 01 dây vỏ màu vàng dài 8m60; 01 tổ ong hình bầu dục trọng lượng 1,5kg; 01 áo liền quần có mũ trùm đầu làm bằng cao su có séc kéo phía sau từ thắt lưng lên gáy, gắn liền tay áo là hai găng tay cao su màu xanh; Nhiều mảnh thủy tinh vỡ, gạch, đá kích thước khác nhau; 05 chai thủy tinh gồm 03 chai màu xanh và 02 chai màu nâu (trong đó một chai màu xanh, và một chai màu nâu được bịt kín nắp bằng lớp nilon màu vàng, bên trong cả hai chai đều chứa chất lỏng màu xanh); 01 can nhựa màu vàng, loại can 05 lít, nắp can màu xanh, bên trong can có chứa chất lỏng màu xanh; 01 bình xịt cứu hỏa; 01 viên đá không rõ hình dạng, màu trắng đục, phần rộng nhất là 7,5cm và 01 mảnh vỡ bê tông không rõ hình, phần rộng nhất là 6,5cm (thu giữ của Nguyễn Đức Đ). Đây là các vật chứng do các bị cáo chuẩn bị làm công cụ, phương tiện phạm tội, không còn giá trị, xét tịch thu tiêu hủy.

- Đối với vật chứng là 01 áo cảnh sát cơ động; 01 Đeo giày gệt cảnh sát cơ động thu giữ của ông Nguyễn Huy T3: ông T3 không yêu cầu nhận lại do đã bị hỏng, không còn giá trị sử dụng, xét tịch thu tiêu hủy.

- Đối với các vật chứng gồm: 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG loại Galaxy J7 pro màu bạc thu giữ của Hoàng Văn H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại 106 màu đen thu giữ của Nguyễn Đức T1; 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA loại 1280 màu đen thu giữ của Nguyễn Văn S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng có gắn sim số 0386537593; 01 điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL màu đen có gắn sim số 0986259993 thu giữ của Nguyễn Công H1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại A1K mặt trước màu đen, mặt sau màu đỏ thu giữ của Nguyễn Thị Sinh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại 106 màu đen có gắn sim số 0963692661; 01 điện thoại di động loại Iphone 6 mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng, bên trong có gắn 01 sim thu giữ của Nguyễn Đức N1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng thu giữ của Nguyễn

Hồng N. Các vật chứng trên đều không liên quan đến vụ án, xét trả lại cho các bị cáo là phù hợp.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 (trong điện thoại có lưu trữ đoạn video H3 quay hình ảnh vụ việc cưỡng chế) thu giữ của Nguyễn Thị H3 (con gái Nguyễn Đức T): H3 đã dùng điện thoại để quay hình ảnh vụ việc cưỡng chế, tuy nhiên H3 không có hành vi chống người thi hành công vụ. Tại các bản tự khai của chị H3 và lời khai của bị cáo Đặng Thị A, bị cáo Nguyễn Đức T tại phiên tòa xác định chiếc điện thoại là của bị cáo An, H3 tự lấy để sử dụng. Vì vậy xét trả lại cho bị cáo Đặng Thị An 01 chiếc điện thoại đã tạm giữ của Nguyễn Thị H3 là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Theo kết luận định giá T sản, chiếc xe ô tô Biển kiểm soát bị thiệt hại về T sản là 900.000đ; Chiếc máy móc của anh Tuất bị hư hỏng thiệt hại là 2.000.000đ. Tuy nhiên anh T trình bày trên thực tế anh Tuất sửa chữa chiếc xe máy xức là 2.500.000đ. Anh T đề nghị các bị cáo phải bồi thường số tiền là 2.500.000đ. Xét các bị cáo đều nhất trí bồi thường thiệt hại số tiền trên thực tế mà anh T đã sửa chữa xe và số tiền Công an huyện Cẩm Khê yêu cầu bồi thường. Vì vậy cần chấp nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại về tài sản của các bị cáo.

[4] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 điều 330; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức T;

Căn cứ khoản 1 điều 330; Điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Hồng N, Nguyễn Đức N1;

Căn cứ khoản 1 điều 330; Điều 36; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Đức M, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Đức P, Nguyễn Văn S1, Đặng Thị A, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Đức T1;

Căn cứ khoản 1 điều 330; Điều 36; Điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn S, Nguyễn Đức Phú, Nguyễn Công H1, Hoàng Văn H, Nguyễn Thị H2;

Căn cứ khoản 1 Điều 330; Điều 34; Điểm b, i, n, s khoản 1 Điều 51; Khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị S;

Căn cứ khoản 1 Điều 330; Điều 34; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị T2;

[2] Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Hồng N, Nguyễn Văn S, Nguyễn Đức M, Nguyễn Đức N1, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Đức P, Hoàng Văn H, Nguyễn Đức P, Nguyễn Đức T1, Nguyễn Công H1, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị H2, Đặng Thị A, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Thị T2 phạm tội “ Chống người thi hành công vụ”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Đức T cho UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Đức T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 3 điều 92 Luật thi hành án hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng N 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Hồng N cho UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Hồng N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 3 điều 92 Luật thi hành án hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức N1 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Đức N1 cho UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Đức N1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 3 điều 92 Luật thi hành án hình sự

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Đ 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 (chín) ngày tạm giữ = 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức P 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 (chín) ngày tạm giữ = 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam

giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 (chín) ngày tạm giữ = 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức M 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T1 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 (chín) ngày tạm giữ = 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 (chín) ngày tạm giữ = 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đặng Thị A 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S1 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức P 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 (chín) ngày tạm giữ = 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công H1 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 (chín) ngày tạm giữ = 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 06 (sáu) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn

cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N2 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H2 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Giao các bị cáo Nguyễn Đức M, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Đức P, Nguyễn Văn S, Nguyễn Đức Phú, Nguyễn Đức T1, Nguyễn Công H1, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Thị H2, Đặng Thị A, Nguyễn Thị N2 cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 (chín) ngày tạm giữ = 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Hoàng Văn H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Đức M, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Đức P, Hoàng Văn H, Nguyễn Đức P, Nguyễn Đức T1, Nguyễn Công H1, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Thị H2, Đặng Thị A, Nguyễn Thị N2.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ trong cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần. (không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng theo quy định của đối với phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 06 tháng tuổi, người già yếu, người bị bệnh hiểm nghèo, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng).

Trong thời gian cải tạo không giam giữ, người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự về cải tạo không giam giữ.

Xử phạt cảnh cáo đối với bị cáo Nguyễn Thị S

Xử phạt cảnh cáo đối với bị cáo Nguyễn Thị T2.

[3] Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 48 BLHS;

Các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Hồng N, Nguyễn Văn S, Nguyễn Đức M, Nguyễn Đức N1, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Đức P, Hoàng Văn H, Nguyễn Đức P, Nguyễn Đức T1, Nguyễn Công H1, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị H2, Đặng Thị A, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Thị T2 có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về T sản cho:

- Anh Nguyễn Văn T số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn)
- Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ số tiền 900.000đ (chín trăm nghìn đồng chẵn).

Xác nhận ngày 05/5/2020, các bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 3.400.000đ (ba triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ để thực hiện việc bồi thường thiệt hại về T sản cho anh Nguyễn Văn T và Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2, điểm a Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu 01 máy phát điện đã cũ (đã thu giữ của Nguyễn Hồng N) bán sung quỹ nhà nước.

- Tịch thu cho tiêu hủy: 02 đoạn dây dẫn điện (01 dây vỏ màu đỏ dài 09m, 01 dây vỏ màu vàng dài 8m60; 01 tổ ong hình bầu dục; nhiều mảnh thủy tinh vỡ, gạch, đá kích thước khác nhau; 01 áo liền quần có mũ trùm đầu cao su; 01 bình xịt cứu hỏa; 05 chai thủy tinh (gồm 03 chai màu xanh và 02 chai màu nâu, trong đó có 01 chai màu xanh và 01 chai màu nâu có chứa chất lỏng màu xanh); 01 can nhựa màu vàng; 01 viên đá và 01 mảnh vỡ bê tông thu giữ của Nguyễn Đức Đ; 01 áo cảnh sát cơ động và 01 Đeo giày thu giữ của ông Nguyễn Huy T3 (do bị hỏng không còn giá trị sử dụng).

- Tịch thu 04 đĩa DVD để chuyển đến lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

- Trả lại cho các bị cáo các tài sản sau nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án:

+ Hoàng Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7pro;

+ Nguyễn Đức T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại 106 màu đen;

+ Nguyễn Văn S 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA loại 1280 màu đen;

+ Nguyễn Công H1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 có gắn sim số 0386537593 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL màu đen có gắn sim số 0986259993;

+ Nguyễn Thị S 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại A1K mặt trước màu đen, mặt sau màu đỏ;

+ Nguyễn Đức N1 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại 106 màu đen có gắn sim số 0963692661 và 01 điện thoại di động loại Iphone 6 bên trong có gắn 01 sim;

+ Nguyễn Hồng N 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng.

+ Đặng Thị An 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 (đã thu giữ của chị Nguyễn Thị H3).

(T3 bộ các vật chứng trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/3/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Khê và Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê)

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Hồng N, Nguyễn Văn S, Nguyễn Đức M, Nguyễn Đức N1, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Đức P, Hoàng Văn H, Nguyễn Đức P, Nguyễn Đức T1, Nguyễn Công H1, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị H2, Đặng Thị A, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Thị T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Những người TGT
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan THA hình sự;
- Cơ quan THA dân sự h Cẩm Khê;
- Công an huyện Cẩm Khê;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Loan

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thanh Loan

